

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH BT Triệu Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Theo Quyết định số 8362/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo Hợp đồng số 01/2019/HĐ-BT ngày 19/7/2019 về việc Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng dự án) Dự án Đường giao thông nối Đường giao thông nối TL514 và QL 47C, huyện Triệu Sơn giữa UBND huyện Triệu Sơn với Liên danh Công ty CP Xây dựng Tiến Đạt - Công ty CP Việt Thanh; Văn bản ngày 10/02/2020 về việc cho phép doanh nghiệp dự án (là Công ty TNHH BT Triệu Sơn) thực hiện hợp đồng số 01/2019/HĐ-BT, ngày 19/7/2019 đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án ký kết.

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 27/8/2020; nội dung Báo

cáo ĐTM của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 03/CV-CTBT ngày 30/9/2020 của Công ty TNHH BT Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1038/Tr-STNMT ngày 14/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH BT Triệu Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty TNHH BT Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam
Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Đồng Năn 1, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH BT Triệu Sơn.

- Người đại diện: Cao Tuấn Hoàn Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Lô 7, khu công nghiệp Tây Bắc Ga, giai đoạn 2, Phường Đông Cương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Quy mô, công suất dự án:

- Tổng diện tích theo quy hoạch là 98.858,0 m²; diện tích đất thực hiện dự án là 80.826,3 m² (không tính diện tích đất thực hiện dự án đường BT là 14.244,0 m² và diện tích đất trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn đang hoạt động là 3.787,7 m²); quy mô sử dụng đất như sau: đất ở dân cư mới chia lô: 33.712,5 m²; đất biệt thự: 12.665,2 m²; đất công cộng: 878,20 m²; đất khuôn viên cây xanh: 3.103,10 m²; đất giao thông: 30.467,3 m².

- Các hạng mục xây dựng gồm: San nền; xây dựng hệ thống đường giao thông, vỉa hè, cây xanh; hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống cấp điện.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất là 1.649 m³/ngày, cuốn theo bùn đất, rác thải của khu vực.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,45m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,75m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,3 m³/ngày); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliforms,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 8m³/ngày; chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, thi công xây dựng, trút đổ nguyên vật liệu, san gạt mặt bằng, vận chuyển... chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 55kg/ngày; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét khoảng 44.329,5 m³; vật liệu rời rơi vãi (cát, đất, đá,...) có tổng khối lượng khoảng 2.258,1 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) có tổng khối lượng khoảng 39,0 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 10 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 13,1 lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư của dự án là 201,6 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 60,5 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 80,6 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 60,5 m³/ngày.đêm); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng của các nhà đầu tư; hoạt động xây dựng nhà ở và sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung; chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 1.680,0 kg/ngày, lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên, các hộ gia đình và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, với khối lượng khoảng 16,8 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế

thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 30m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời với kích thước rộng x cao = 0,4m x 0,4m được bố trí dọc khu đất thực hiện dự án theo hướng dẫn nước về mương thoát nước chung khu vực; các hố gas tạm có kích thước dài x rộng x sâu = 1,0m x 1,0m x 1,0m. Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra kênh.

b. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân thu gom tập trung về hố lắng có thể tích 03m³ (kích thước: dài x rộng x sâu: 2m x 1,5m x 1m, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước khu lán trại .

- Đối với nước thải nhà vệ sinh: Xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động, định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng bơm hút, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- Đối với nước thải quá trình ăn uống: Thu gom về 01 hố lắng để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ với thể tích hố lắng 01 m³ (kích thước: dài x rộng x cao = 1m x 1m x 1m, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh). Váng dầu mỡ được thu gom, xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm có thể tích 05 m³ (kích thước dài x rộng x cao = 2,5mx2,0mx1,0m) để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ. Váng mỡ được thu gom, lưu giữ và xử lý cùng với chất thải nguy hại.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5m ở ranh giới phía tiếp giáp với trường tiểu học thị trấn Triệu Sơn, đường ĐT.514 và một số khu dân cư lân cận.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân với số lượng 02 bộ/người/năm; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày khi thời tiết hanh khô; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường gần nhất.

- Sử dụng các thiết bị máy móc và xe đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt, vận chuyển đúng tải trọng và tốc độ quy định; Rửa lốp xe trước khi ra vào công trường, vị trí khu vực rửa xe được đặt tại cổng ra vào công trường gần vị trí đầu nối với hệ thống thoát nước của khu vực.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 50 lít/thùng); đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Bùn đất đào hữu cơ, vận chuyển đổ thải tại bãi thải có diện tích 5 ha và dung tích lớn nhất là 200.000m³.

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý tại theo quy định.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch, ... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực.

- Chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trang bị 02 thùng có dung tích 200 lít/thùng có dán nhãn theo quy định để chứa chất thải rắn và chất thải lỏng nguy hại đặt tại khu vực riêng có diện tích 10m² thuộc khu vực lán trại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với chủ đầu tư:

+ Khai thông, nạo vét hệ thống mương, cống tròn BTCT thu gom nước thải cho toàn bộ khu vực dự án có đường kính từ D200-300mm.

+ Lắp đặt đầu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân về hệ thống thoát nước mưa, nước thải của dự án.

+ Vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại phía Nam của dự án, gần điểm đầu nối thoát nước thải ra mương thoát nước chung của khu vực. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải → bể điều hòa → bể Anoxic → bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Đối với các hộ gia đình:

+ Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh.

+ Lắp đặt đầu nối toàn bộ nước thải (sau bể tự hoại) về hệ thống công thoát nước thải chung trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để tiếp tục xử lý và thải ra môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với các hộ dân: Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa

thạch,...

- Đối với chủ đầu tư:

+ Kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn trong quá trình xây dựng của các hộ gia đình theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi theo bánh xe;

+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông công rãnh thu gom nước thải, hố ga, hệ thống thoát nước mưa.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Đối với các hộ gia đình: Các hộ gia đình sẽ được thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và tập kết rác đúng nơi quy định;

- Đối với chủ đầu tư:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho các hộ gia đình.

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố ga, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 6 tháng/lần.

+ Bố trí 01 khu vực tập kết chất thải rắn tập trung tại khu vực cây xanh (diện tích 100 m²); có rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chủ đầu tư bố trí 02 thùng (dung tích 0,2 m³/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu tập kết chất thải nguy hại, diện tích 50m² bên cạnh khu tập kết CTR thông thường; hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định với tần suất 06 tháng/lần.

- Các hộ dân: Thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải nguy hại đúng nơi quy định/đúng theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt; không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát khí thải trong quá trình xây dựng:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát: tại 02 vị trí thi công dự án.

+ Vị trí trung tâm khu vực thi công dự án

+ Vị trí tuyến đường vận chuyển vào công trường

- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau khi hệ thống xử lý ra nguồn tiếp nhận.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.